|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2025/QĐ-UBND | *Nam Định, ngày tháng năm 2025* |

**QUYẾT ĐỊNH**

DỰ THẢO

**Ban hành Quy định quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì**

**và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý**

**của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng công trình và bảo trì công trình xây dựng*

*Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số …TTr-SGTVT ngày /…/2025; Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày / /2025 của Sở Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

**Điều 2.**Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ….. tháng ….. năm …..; thay thế Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định; Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số [32/2021/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=32/2021/Q%C4%90-UBND&match=True&area=2&lan=1&bday=29/7/2021&eday=29/7/2021) ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý, vận hành khai thác cầu, đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Nam Định và Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tạm thời về tải trọng, khổ giới hạn của đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.**Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố Nam Định; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Văn phòng Chính phủ- Bộ Giao thông vận tải;- Bộ Tư pháp (Kiểm tra VBQPPL);- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Như Điều 3;- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;- Lưu: VP1, VP3. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |

**QUY ĐỊNH**

**Quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì**

**và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý**

**của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định**

*(Kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

* 1. **Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định một số nội dung về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này, được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

* 1. **Đối tượng áp dụng**

Các sở, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Nam Định (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) và tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

* 1. **Quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ**

1. Sở Giao thông vận tải quản lý:

a) Quốc lộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đường tỉnh và các trường hợp khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định quản lý:

a) Đường đô thị (trừ đường ngõ, ngách, kiệt, hẻm trong đô thị), đường huyện thuộc địa bàn thành phố và các trường hợp khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

b) Vỉa hè, hệ thống chiếu sáng trên đường tỉnh qua khu vực nội thành (trừ hệ thống báo hiệu đường bộ).

3. Ủy ban nhân dân các huyện quản lý đường huyện thuộc phạm vi địa bàn và các trường hợp khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý:

a) Đường xã; Đường đô thị trong phạm vi phường, thị trấn (trừ các tuyến đường quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này); Các trường hợp khác khi được Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

b) Đường thôn.

5. Ủy ban nhân dân thị trấn chịu trách nhiệm quản lý: Vỉa hè và hệ thống chiếu sáng trên đường tỉnh đi qua khu vực nội thị (trừ hệ thống báo hiệu đường bộ).

6. Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 20 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ đối với kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp trong việc thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đối với quốc lộ, đường tỉnh và các tuyến đường khác qua địa bàn.

* 1. **Phân loại đường bộ và số hiệu đường huyện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân loại, quyết định điều chỉnh phân loại đường tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp huyện phân loại, quyết định điều chỉnh phân loại đường huyện, đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh đặt số hiệu đường huyện trên cơ sở số tự nhiên quy định như sau:

- Thành phố Nam Định: Từ 10 đến 19.

- Huyện Ý Yên: Từ 20 đến 29.

- Huyện Vụ Bản: Từ 30 đến 39.

- Huyện Nam Trực: Từ 40 đến 49.

- Huyện Trực Ninh: Từ 50 đến 59.

- Huyện Xuân Trường: Từ 60 đến 69.

- Huyện Hải Hậu: Từ 70 đến 79.

- Huyện Giao Thủy: Từ 80 đến 89.

- Huyện Nghĩa Hưng: Từ 90 đến 99.

* 1. **Cơ sở dữ liệu đường bộ**

1. Cơ sở dữ liệu đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Đường bộ; Chương VII Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sở Giao thông vận tải, Uỷ ban nhân dân cấp huyện, Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh các thông tin trong cơ sở dữ liệu đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

**Chương II**

**QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ**

* 1. **Quản lý, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ**

1. Việc quản lý, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định tại Điều 36, Điều 37 Luật Đường bộ; Điều 9 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

3. Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện tổ chức giao thông các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý. Việc tổ chức giao thông (gồm: phân làn, phân luồng; tạm dừng khai thác một phần hoặc toàn bộ tuyến đường; quy định thời gian cho phép tham gia giao thông) trên đường huyện, đường đô thị kết nối với quốc lộ, đường tỉnh phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải trước khi thực hiện.

* 1. **Lập, phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ**

1. Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Sở Giao thông vận tải thực hiện lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

3. Uỷ ban nhân dân cấp huyện, Uỷ ban nhân dân cấp xã cấp tổ chức lập, phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

* 1. **Bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ**

1. Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

2. Quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ; Điều 7, Điều 8 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải và các quy định của pháp luật liên quan.

3. Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập, phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh quy trình bảo trì đối với kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

**Chương III**

**KẾT NỐI GIAO THÔNG VÀ ĐẤU NỐI ĐƯỜNG BỘ; TRÌNH TỰ,**

**THỦ TỤC CHẤP THẬN THIẾT KẾ, CẤP PHÉP THI CÔNG**

**NÚT GIAO ĐỐI VỚI ĐƯỜNG ĐANG KHAI THÁC**

* 1. **Kết nối giao thông và đấu nối đường bộ**

1. Kết nối giao thông và đấu nối đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Đường bộ; Mục 2 Chương IV Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy định tại các điểm a, b, c khoản 5 Điều 29 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để xem xét, quyết định vị trí đấu nối vào quốc lộ đang khai thác trên địa bàn (trừ trường hợp quốc lộ là đường cao tốc).

2. Sở Giao thông vận tải, Uỷ ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận vị trí đấu nối đối với đường địa phương đang khai thác không quy định tại khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ nhưng phải bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định này.

3. Sở Giao thông vận tải thực hiện chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối, cấp phép thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ đang khai thác do Uỷ ban nhân dân tỉnh quản lý theo quy định.

* 1. **Trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao đối với đường địa phương đang khai thác**

1. Đối với đường địa phương quy định tại điểm b khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 3 Quy định này (trừ đường ngõ, ngách, kiệt, hẻm trong đô thị):

a) Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác gửi hồ sơ đề nghị theo hình thức trực tiếp hoặc gửi gián tiếp (qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản này để được chấp thuận thiết kế nút giao đối với đường địa phương đang khai thác. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a1) Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác theo quy định tại Mẫu số 1 ban hành kèm theo Quy định này;

a2) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác, bao gồm: thuyết minh thiết kế, bản vẽ thiết kế nút giao đấu nối, bản vẽ tổ chức giao thông tại nút giao đấu nối;

a3) Văn bản giao làm chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác (nếu có); Văn bản chấp thuận vị trí đấu nối của cơ quan có thẩm quyền.

b) Thẩm quyền chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác như sau:

b1) Sở Giao thông vận tải đối với các tuyến, đoạn tuyến đường được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy định này.

b2) Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các tuyến, đoạn tuyến được quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 3 Quy định này.

b3) Uỷ ban nhân dân cấp xã đối với các tuyến, đoạn tuyến được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Quy định này.

c) Trình tự giải quyết:

c1) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thành phần hồ sơ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ.

c2) Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến), trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

c3) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

d) Trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày có văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối mà chủ đầu tư chưa hoàn thành việc cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác hoặc có thay đổi về quy mô nút giao đấu nối thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao.

2. Đối với đường địa phương trừ các tuyến đường quy định tại khoản 1 Điều này:

Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đấu nối có văn bản đề nghị Uỷ ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền quản lý tại Điều 3 Quy định này, xem xét chấp thuận để đảm bảo an toàn giao thông khi thi công và trong quá trình khai thác sử dụng nút giao.

3. Đối với kết nối giao thông thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là người có thẩm quyền quyết định đầu tư, việc quyết định thiết kế nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác thực hiện trong quyết định phê duyệt dự án và không phải thực hiện quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.

* 1. **Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác**

1. Đối với đường địa phương quy định tại điểm b khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 3 Quy định này (trừ đường ngõ, ngách, kiệt, hẻm trong đô thị):

a) Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác gửi hồ sơ đề nghị theo hình thức trực tiếp hoặc gửi gián tiếp (qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a1) Đơn đề nghị cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác theo quy định tại Mẫu số 2 ban hành kèm theo Quy định này;

a2) Thiết kế bản vẽ thi công nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác đã được phê duyệt; biện pháp bảo đảm giao thông đường bộ khi thi công xây dựng nút giao đấu nối.

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Quy định này.

c) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

c1) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thành phần hồ sơ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ.

c2) Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến), trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

c3) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác theo quy định tại Mẫu số 3 ban hành kèm theo Quy định này. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác:

a) Đối với nút giao đấu nối thuộc dự án đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, hiệu lực của giấy phép thi công nút giao đấu nối được xác định theo đề nghị của Chủ đầu tư nút giao đấu nối nhưng không vượt quá tiến độ thực hiện dự án;

b) Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này, thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công đấu nối được xác định theo đề nghị của Chủ đầu tư nút giao đấu nối nhưng không quá 24 tháng kể từ ngày được cấp phép thi công;

c) Hết thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công mà chưa hoàn thành thi công nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục cấp phép.

3. Đối với đường địa phương trừ các tuyến đường quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy định này:

Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đấu nối có văn bản thông báo gửi Uỷ ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền quản lý tại Điều 3 Quy định này trước khi thi công.

4. Chủ đầu tư các dự án: đường bộ; khu vực dân cư; cơ quan; tổ chức; cơ sở dịch vụ; sản xuất kinh doanh và các địa điểm khác kết nối giao thông với đường địa phương có trách nhiệm thi công hoàn thiện nút giao đấu nối và chỉ đưa các dự án trên vào hoạt động khi nút giao đấu nối được cơ quan cấp phép thi công chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

* 1. **Trách nhiệm các sở, ban, ngành của tỉnh**

1. Sở Giao thông vận tải:

a) Thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện công tác quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

b) Định kỳ tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo quy định;

c) Thanh tra, kiểm tra quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định. Khi phát hiện vi phạm hành chính tùy theo tính chất, mức độ vụ việc vi phạm xử phạt theo thẩm quyền hoặc chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Uỷ ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Sở Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; phối hợp cơ quan quản lý đường bộ tại Điều 3 Quy định này quản lý, sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ và đấu nối vào hệ thống đường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; .

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ tại Điều 3 Quy định này và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hướng dẫn việc sử dụng đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch, xây dựng, quản lý, bảo trì công trình thủy lợi, đê điều có liên quan đến kết cấu hạ tầng đường bộ đảm bảo phù hợp với quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Các Sở: Công Thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ tại Điều 3 Quy định này hướng dẫn các đơn vị xây dựng công trình thuộc lĩnh vực quản lý của ngành đảm bảo quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ và đấu nối vào hệ thống đường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

7. Đài Phát thanh và Truyền hình Nam Định, Báo Nam Định tăng cường phổ biến, tuyên truyền quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; thông tin kịp thời việc chấp hành quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

8. Các sở, ban, ngành khác căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện các nội dung có liên quan đến công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông.

* 1. **Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Thực hiện quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ các kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý;

b) Thanh tra, kiểm tra quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định. Khi phát hiện vi phạm hành chính tùy theo tính chất, mức độ vụ việc vi phạm xử phạt theo thẩm quyền hoặc chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt theo quy định;

c) Tổ chức giải tỏa các công trình ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ và hoạt động giao thông vận tải;

d) Tổ chức thực hiện cưỡng chế để giải tỏa vi phạm, lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tái lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ. Sau khi cưỡng chế giải tỏa thực hiện ký cam kết không tái lấn chiếm, lập biên bản bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, quản lý, chống tái lấn chiếm;

đ) Phối hợp với các đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra đường bộ và các đơn vị liên quan thực hiện biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, xử lý theo thẩm quyền các hành vi xâm phạm kết cấu hạ tầng đường bộ, các hành vi lấn chiếm sử dụng trái phép đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ, hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn;

e) Thực hiện báo cáo kết quả công tác quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ các kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý;

b) Thực hiện giải tỏa các công trình ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ và hoạt động giao thông vận tải;

c) Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới;

d) Tổ chức theo dõi, xử lý lấn chiếm và chống tái lấn chiếm sau khi giải tỏa vi phạm về kết cấu hạ tầng đường bộ;

đ) Trường hợp phát hiện vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ (trực tiếp phát hiện hoặc do đơn vị liên quan báo cáo, chuyển đến) thì xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, thanh tra đường bộ và lực lượng liên quan trong bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

e) Thực hiện báo cáo kết quả công tác quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định.

* 1. **Trách nhiệm của các đơn vị quản lý đường bộ**

1. Thực hiện quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định;

2. Chấp hành chỉ đạo và thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý đường bộ, về các vi phạm kết cấu hạ tầng đường bộ, hành lang an toàn đường bộ và các vi phạm khác theo quy định.

3. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời, ngăn chặn các hành vi vi phạm kết cấu hạ tầng đường bộ. Đồng thời báo cáo ngay cơ quan quản lý đường bộ để có biện pháp tạm thời nhằm bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ công trình đường bộ.

4. Phối hợp với Thanh tra giao thông và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện giải tỏa công trình lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi đơn vị trực tiếp quản lý. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên tổ chức kiểm tra, ngăn chặn việc tái lấn chiếm sau khi giải tỏa.

5. Tổng hợp các trường hợp vi phạm đã đề nghị nhưng Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm hoặc không tổ chức cưỡng chế giải tỏa vi phạm hành lang an toàn đường bộ theo quy định, báo cáo Sở Giao thông vận tải để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo cơ quan quản lý đường bộ về công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, hành lang an toàn giao thông đường bộ.

* 1. **Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và các cơ quan khác**

1. Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động trên đường bộ và hai bên đường bộ:

a) Chấp hành nghiêm, đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng, khai thác và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ và các quy định khác có liên quan; chấp hành sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý đường bộ theo quy định của pháp luật;

b) Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất theo địa bàn quản lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

2. Các cơ quan ở địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo thẩm quyền; phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ trong việc bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

* 1. **Điều khoản chuyển tiếp**

Trường hợp hồ sơ đề nghị thỏa thuận, chấp thuận, cấp phép thi công liên quan đến hệ thống đường bộ địa phương đã gửi cơ quan có thẩm quyền trước ngày Quy định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số [32/2021/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=60/2016/Q%C4%90-UBND&match=True&area=2&lan=1&bday=25/11/2016&eday=25/11/2016) ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số [32/2021/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=32/2021/Q%C4%90-UBND&match=True&area=2&lan=1&bday=29/7/2021&eday=29/7/2021) ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định có liên quan.

* 1. **Tổ chức thực hiện**

1. Sở Giao thông vận tải là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng đường bộ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện Quy định này và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm triển khai thực hiện và hướng dẫn thi hành Quy định này đến các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung kịp thời./.